BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2016/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm; bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức; chức vụ tương đương và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Điều 8 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm; bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức; chức vụ tương đương và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm; bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức; chức vụ tương đương và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam quy định tại Khoản 4 Điều 8 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong lực lượng dự bị động viên.

2. Việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm; bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời chiến được thực hiện theo quy định riêng.

Điều 3. Nguyên tắc thăng, giáng cấp bậc quân hàm; bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Cấp có thẩm quyền quyết định thăng cấp bậc quân hàm, bổ nhiệm đến

chức vụ nào thì có quyền giáng cấp bậc quân hàm; giáng chức, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ đến cấp bậc, chức vụ đó.

2. Mỗi lần thăng hoặc giáng cấp bậc quân hàm chỉ cao hơn hoặc thấp hơn một bậc; trường hợp đặc biệt được thăng hoặc giáng nhiều bậc quân hàm, nhưng không vượt quá thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

Chương II
QUY ĐỊNH PHONG, THĂNG, GIÁNG CẤP BẬC QUÂN HÀM; BỔ NHIỆM CHỨC VỤ, GIÁNG CHỨC, CÁCH CHỨC; CHỨC VỤ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP BẬC QUÂN HÀM CAO NHẤT ĐỐI VỚI CHỨC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Mục 1
PHONG, THĂNG, GIÁNG CẤP BẬC QUÂN HÀM ĐỐI VỚI HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Điều 4. Cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Hạ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam có ba bậc quân hàm: Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ.

2. Binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam có hai bậc quân hàm: Binh nhất, Binh nhì.

Điều 5. Thẩm quyền phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Phong cấp bậc Binh nhì

a) Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng và các chức vụ tương đương quyết định phong cấp bậc Binh nhì đối với quân nhân thuộc quyền;

b) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương (sau đây gọi chung là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện) quyết định phong quân hàm Binh nhì đối với công dân đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên.

2. Thăng, giáng cấp bậc quân hàm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ

a) Tiểu đoàn trưởng và các chức vụ tương đương quyết định thăng cấp bậc Binh nhất đối với binh sĩ thuộc quyền;

b) Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng và các chức vụ tương đương quyết định thăng, giáng cấp bậc đến Trung sĩ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền;

c) Sư đoàn trưởng và các chức vụ tương đương quyết định thăng, giáng cấp bậc quân hàm đến Thượng sĩ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền.

3. Trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ vi phạm kỷ luật, nếu không còn đủ tư cách quân nhân, thì kỷ luật tước danh hiệu quân nhân theo quy định của Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam.

4. Thăng, giáng cấp bậc quân hàm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định thăng, giáng cấp bậc quân hàm đến Trung sĩ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân Việt Nam đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên.

b) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) quyết định thăng, giáng cấp bậc quân hàm Thượng sĩ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân Việt Nam đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên.

Điều 6. Thời điểm phong cấp bậc Binh nhì

1. Công dân được gọi nhập ngũ vào phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự thì được phong cấp bậc Binh nhì kể từ ngày giao nhận quân; trong trường hợp không giao, nhận quân tập trung thì tính từ ngày đơn vị Quân đội nhân dân tiếp nhận.

2. Công dân qua tuyển sinh quân sự vào học tập tại các trường, được cấp có thẩm quyền công nhận là quân nhân thì được phong cấp bậc Binh nhì kể từ ngày được công nhận quân nhân.

3. Binh sĩ dự bị hạng hai khi được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên thì được phong cấp bậc Binh nhì kể từ ngày có quyết định sắp xếp, bổ nhiệm.

Điều 7. Thời hạn xét thăng cấp bậc quân hàm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ đang công tác tại đơn vị

a) Thăng cấp bậc Binh nhất: Binh nhì có đủ 06 tháng phục vụ tại ngũ.

b) Thăng cấp bậc Hạ sĩ

- Binh nhất được bổ nhiệm chức vụ Phó Tiểu đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương, không phụ thuộc vào thời hạn.

- Các chức danh có cấp bậc Hạ sĩ và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đã giữ cấp bậc Binh nhất đủ 06 tháng.

c) Thăng cấp bậc Trung sĩ

- Hạ sĩ được bổ nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương, không phụ thuộc vào thời hạn.

- Các chức danh có cấp bậc Trung sĩ và hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ đã giữ cấp bậc Hạ sĩ đủ 06 tháng.

d) Thăng cấp bậc Thượng sĩ

- Trung sĩ giữ chức vụ Tiểu đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương được

bổ nhiệm chức vụ Phó Trung đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương, không phụ thuộc vào thời hạn.

- Hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ trung cấp trở lên được sắp xếp đúng biên chế, đã giữ cấp bậc Trung sĩ đủ 06 tháng.

đ) Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng từ Chiến sĩ thi đua trở lên thì được xét thăng một bậc quân hàm; có thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc không phụ thuộc vào cấp bậc, chức vụ và thời hạn quy định tại Điểm a, b, c và d khoản này, nhưng không vượt quá một cấp so với quân hàm quy định của chức vụ đảm nhiệm.

2. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ là học viên trong các nhà trường

a) Học viên đang học tại các nhà trường

- Thăng cấp bậc Binh nhất: Đã giữ cấp bậc Binh nhì đủ 06 tháng.

- Thăng cấp bậc Hạ sĩ: Đã giữ cấp bậc Binh nhất đủ 06 tháng.

- Thăng cấp bậc Trung sĩ: Đã giữ cấp bậc Hạ sĩ đủ 12 tháng.

- Thăng cấp bậc Thượng sĩ: Đã giữ cấp bậc Trung sĩ đủ 12 tháng.

b) Học viên tốt nghiệp đào tạo hạ sĩ quan chỉ huy:

- Đào tạo Tiểu đội trưởng và các chức vụ tương đương, tốt nghiệp loại khá trở lên được thăng cấp bậc Trung sĩ, loại trung bình thăng cấp bậc Hạ sĩ;

- Đào tạo Phó Trung đội trưởng và các chức vụ tương đương, tốt nghiệp được thăng cấp bậc Thượng sĩ.

c) Học viên tốt nghiệp đào tạo chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ sơ cấp

- Thời gian đào tạo từ 06 tháng trở xuống: Loại giỏi được thăng cấp bậc Trung sĩ; loại khá và loại trung bình được thăng cấp bậc Hạ sĩ.

- Thời gian đào tạo từ 06 tháng trở lên: Loại khá trở lên được thăng cấp bậc Trung sĩ; loại trung bình được thăng cấp bậc Hạ sĩ.

d) Học viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng từ Chiến sĩ thi đua trở lên thì được xét thăng một bậc quân hàm; có thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc không phụ thuộc vào thời hạn quy định tại Điểm a, b và c khoản này;

đ) Học viên không tốt nghiệp hoặc không hoàn thành chương trình đào tạo thì không được xét thăng cấp bậc quân hàm.

3. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

a) Thăng cấp bậc Binh nhất: Binh nhì có đủ 12 tháng phục vụ trong đơn vị dự bị động viên.

b) Thăng cấp bậc Hạ sĩ

- Binh nhất được bổ nhiệm chức vụ Phó Tiểu đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương.

- Các chức danh có cấp bậc quân hàm Hạ sĩ và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ được sắp xếp, bổ nhiệm đúng biên chế, đã giữ cấp bậc Binh nhất đủ 12 tháng trở lên.

c) Thăng cấp bậc Trung sĩ

- Hạ sĩ được bổ nhiệm chức vụ Tiểu đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương;

- Các chức danh có cấp bậc quân hàm Trung sĩ và hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ được sắp xếp, bổ nhiệm đúng biên chế, đã giữ cấp bậc Hạ sĩ đủ 12 tháng trở lên.

d) Thăng cấp bậc Thượng sĩ

- Trung sĩ được bổ nhiệm chức vụ Phó Trung đội trưởng hoặc các chức vụ tương đương;

- Hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ trung cấp trở lên được sắp xếp, bổ nhiệm đúng biên chế, đã giữ cấp bậc Trung sĩ đủ 12 tháng trở lên.

đ) Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, được khen thưởng từ Giấy khen trở lên thì được xét thăng một bậc quân hàm; có thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc không phụ thuộc vào cấp bậc, chức vụ và thời hạn quy định tại Điểm a, b, c và d khoản này, nhưng không vượt quá một cấp so với bậc quân hàm quy định của chức vụ đảm nhiệm;

e) Thời hạn xét thăng quân hàm được tính từ khi quân nhân dự bị có quyết định sắp xếp, bổ nhiệm vào các đơn vị dự bị động viên.

Điều 8. Tiêu chuẩn xét thăng cấp bậc quân hàm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ

a) Đúng chức danh biên chế;

b) Đủ tiêu chuẩn về chính trị; hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao; không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

c) Đủ thời hạn xét thăng quân hàm cho mỗi cấp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

2. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

a) Được sắp xếp, bổ nhiệm đúng chức danh biên chế trong các đơn vị dự bị động viên;

b) Đủ tiêu chuẩn về chính trị; thực hiện đúng các quy định về đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị; tham gia huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và chế độ sinh hoạt trong đơn vị dự bị động viên; hoàn thành chức trách được giao; không vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên;

c) Đủ thời hạn xét thăng quân hàm cho mỗi cấp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

Mục 2
BỔ NHIỆM CHỨC VỤ, GIÁNG CHỨC, CÁCH CHỨC ĐỐI VỚI HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Điều 9. Thẩm quyền bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ

a) Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng và các chức vụ tương đương quyết định bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức Tiểu đội trưởng và các chức vụ tương đương đối với hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền;

b) Sư đoàn trưởng và các chức vụ tương đương quyết định bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức Phó Trung đội trưởng và các chức vụ tương đương đối với hạ sĩ quan thuộc quyền.

2. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức Tiểu đội trưởng và các chức vụ tương đương đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào các đơn vị dự bị động viên;

b) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức Phó Trung đội trưởng và các chức vụ tương đương đối với hạ sĩ quan dự bị đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào các đơn vị dự bị động viên.

Điều 10. Tiêu chuẩn xét bổ nhiệm chức vụ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Đủ tiêu chuẩn về chính trị, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Có khả năng hoàn thành chức trách, nhiệm vụ khi được bổ nhiệm chức vụ mới.

3. Đối với quân nhân dự bị: Đã được sắp xếp, bổ nhiệm đúng chức danh biên chế trong đơn vị dự bị động viên.

Mục 3
CHỨC VỤ TƯƠNG ĐƯƠNG VÀ CẤP BẬC QUÂN HÀM CAO NHẤT ĐỐI VỚI CHỨC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ

Điều 11. Chức vụ tương đương của hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Chức vụ tương đương với Phó Trung đội trưởng

a) Phó Phân đội trưởng trinh sát bộ binh;

b) Phó Mũi trưởng đặc công;

c) Phó Toán trưởng trinh sát luồn sâu pháo binh;

d) Phó Đội trưởng các đội có tổ chức tương đương cấp Trung đội;

đ) Phó Xưởng trưởng, Phó Phân xưởng, Phó Trạm trưởng của các xưởng, phân xưởng, trạm có tổ chức tương đương cấp Trung đội;

e) Phó kho, Phó Phân kho của các kho, phân kho có tổ chức tương đương cấp Trung đội;

g) Hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ trung cấp trở lên được sắp xếp đúng biên chế.

2. Chức vụ tương đương với Tiểu đội trưởng

a) Khẩu đội trưởng;

b) Trưởng xe (tăng, thiết giáp; pháo tự hành; hóa học);

c) Đài trưởng (Đài 15w; Xe thông tin; Thông tin; Quan sát phòng không);

d) Trạm trưởng, Ca trưởng thông tin quân bưu;

đ) Tổ trưởng (Đặc công; Trinh sát luồn sâu pháo binh; Kỹ thuật giải mã và ảnh; Nghiệm triều; Chế biến thực phẩm); các Tổ trực thuộc các đơn vị cấp Trung đội và tương đương Trung đội trở lên;

e) Trắc thủ (Điều khiển tên lửa (kíp 1); Kíp tên lửa (kíp 1); Ra đa (kíp 1); Tác chiến điện tử);

g) Hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ sơ cấp được sắp xếp đúng biên chế.

3. Chức vụ tương đương với Phó Tiểu đội trưởng

a) Phó Khẩu đội trưởng;

b) Phó Tổ trưởng đặc công;

c) Phó Trạm trưởng, Ca trưởng thông tin quân bưu;

d) Tổ trưởng (Vệ binh, Bộ binh, Trinh sát, Tên lửa Phòng không tầm thấp);

đ) Tổ trưởng Tổ kho, sửa chữa, xây dựng, phục vụ;

e) Tổ trưởng là binh sĩ có chuyên môn kỹ thuật được sắp xếp đúng biên chế.

Điều 12. Cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Phó Trung đội trưởng và tương đương: Thượng sĩ.

2. Tiểu đội trưởng và tương đương: Trung sĩ.

3. Phó Tiểu đội trưởng và tương đương: Hạ sĩ.

4. Chiến sĩ: Binh nhất.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm và bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ

1. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ

a) Chỉ huy các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm và bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ theo quy định của Thông tư này;

b) Học viên tốt nghiệp đào tạo hạ sĩ quan chỉ huy, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ được xét thăng cấp bậc quân hàm trước khi làm lễ bế giảng;

c) Quyết định phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm và bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức phải được công bố trước đơn vị để thực hiện và bổ sung vào hồ sơ, đồng thời đảm bảo quyền lợi được hưởng theo quy định.

2. Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

a) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo phạm vi thẩm quyền chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhận nguồn, các đơn vị thuộc các Bộ, ngành có nhiệm vụ xây dựng các đơn vị chuyên môn dự bị có quân nhân dự bị đăng ký nghĩa vụ quân sự tại địa phương (nếu có) tổ chức thực hiện việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm và bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị theo quy định của Thông tư này;

b) Quyết định thăng cấp bậc quân hàm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị thực hiện mỗi năm một lần vào ngày 22 tháng 12 hàng năm; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị theo yêu cầu nhiệm vụ;

c) Quyết định phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm và bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức phải được thông báo cho các đơn vị nhận nguồn và các đơn vị thuộc các Bộ, ngành; đồng thời ủy quyền cho Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn hoặc Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành công bố trước đơn vị dự bị động viên hoặc mời các quân nhân dự bị có quyết định lên trụ sở Ban Chỉ huy quân sự để giao quyết định; bổ sung vào hồ sơ, đảm bảo quyền lợi được hưởng cho quân nhân dự bị theo quy định hiện hành.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 3 năm 2016.

2. Quyết định số 129/2008/QĐ-BQP ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phong, thăng, giáng cấp bậc quân hàm và bổ nhiệm, giáng, cách chức đối với hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam; Quyết định số 128/2008/QĐ-BQP ngày 19 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về cấp bậc quân hàm và chức vụ tương đương của hạ sĩ

quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Quân lực thuộc Bộ Tổng Tham mưu chịu trách nhiệm hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đại tướng Đỗ Bá Tỵ